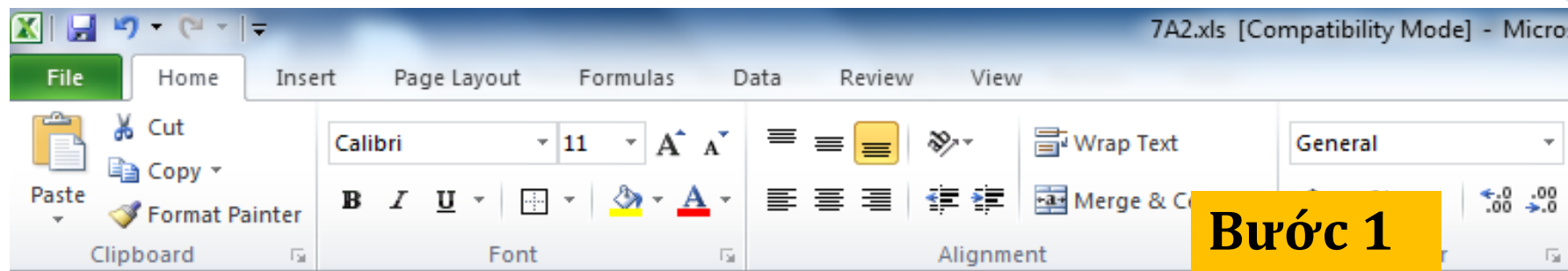


# **Bài 8**

## **Sắp xếp và lọc dữ liệu**

# 1. Sắp xếp dữ liệu

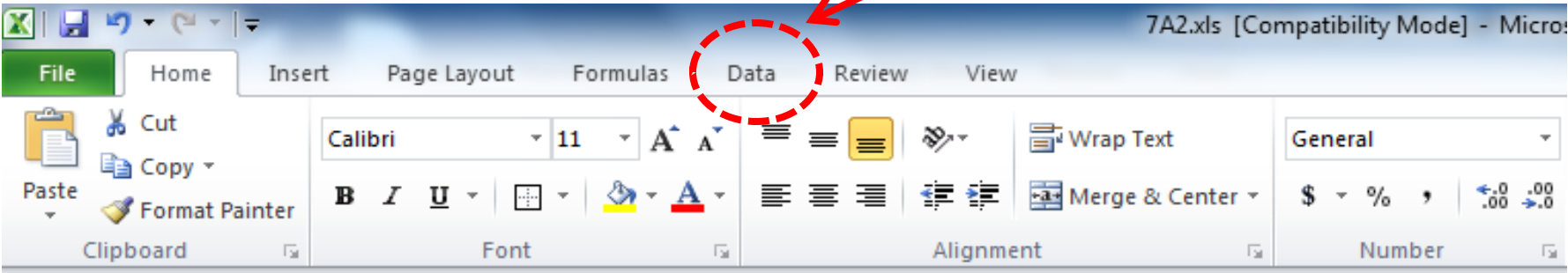
Yêu cầu: Em hãy sắp xếp cột Điểm TBHK theo thứ tự giảm dần?



|    | A   | B                   | C     | D     | E       | F  | G      | H  | I      | J         |
|----|-----|---------------------|-------|-------|---------|----|--------|----|--------|-----------|
| 1  | STT | Họ và tên           |       | Miệng | 15 Phút |    | 1 Tiết |    | Học kỳ | Điểm TBHK |
| 2  |     |                     |       | M1    | P1      | P2 | V1     | V2 |        |           |
| 3  | 1   | Nguyễn Hình Vỹ      | An    | 10    | 10      | 10 | 9      | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 4  | 2   | Nguyễn Quách Phương | Anh   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 5  | 3   | Nguyễn Võ Huỳnh     | Anh   | 10    | 10      | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.9       |
| 6  | 4   | Dương Tiểu          | Bằng  | 10    | 9       | 10 | 8      | 10 | 9.5    | 9.4       |
| 7  | 5   | Hồ Lê Chí           | Chánh | 9     | 9       | 8  | 8      | 10 | 9.5    | 9.1       |
| 8  | 6   | Châu Trần Bảo       | Chi   | 7     | 9       | 9  | 9      | 9  | 9.5    | 9.0       |
| 9  | 7   | Trần Thị Cẩm        | Duyên | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.7       |
| 10 | 8   | Trần Thị Mỹ         | Duyên | 8     | 5       | 9  | 8      | 8  | 7.5    | 7.7       |
| 11 | 9   | Nguyễn Thị Thúy     | Duyên | 10    | 9       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.8       |
| 12 | 10  | Trần Nguyễn Tiến    | Đạt   | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 13 | 11  | Nguyễn Bảo          | Đoan  | 10    | 10      | 9  | 10     | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 14 | 12  | Đoàn Phương         | Giao  | 7     | 8       | 9  | 9      | 8  | 7.3    | 8.0       |
| 15 | 13  | Lưu Ngọc            | Hân   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 16 | 14  | Phương Chí          | Hào   | 9     | 4       | 9  | 9      | 9  | 9.3    | 8.6       |
| 17 | 15  | Trần Quốc           | Kiệt  | 10    | 7       | 10 | 9      | 10 | 9.8    | 9.4       |

# 1. Sắp xếp dữ liệu

## Bước 2

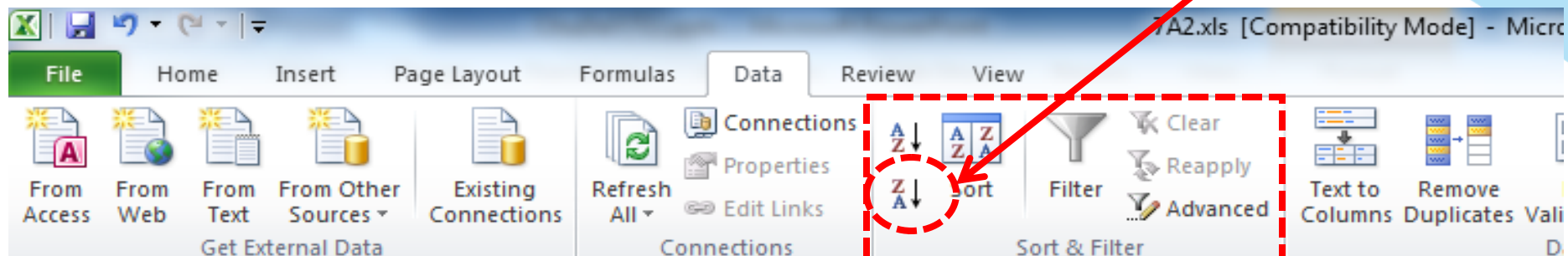


7A2.xls [Compatibility Mode] - Micro

|    | A   | B                   | C     | D     | E       | F  | G      | H  | I      | J         |
|----|-----|---------------------|-------|-------|---------|----|--------|----|--------|-----------|
| 1  | STT | Họ và tên           |       | Miệng | 15 Phút |    | 1 Tiết |    | Học kỳ | Điểm TBHK |
| 2  |     |                     |       | M1    | P1      | P2 | V1     | V2 |        |           |
| 3  | 1   | Nguyễn Hình Vỹ      | An    | 10    | 10      | 10 | 9      | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 4  | 2   | Nguyễn Quách Phương | Anh   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 5  | 3   | Nguyễn Võ Huỳnh     | Anh   | 10    | 10      | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.9       |
| 6  | 4   | Dương Tiểu          | Bằng  | 10    | 9       | 10 | 8      | 10 | 9.5    | 9.4       |
| 7  | 5   | Hồ Lê Chí           | Chánh | 9     | 9       | 8  | 8      | 10 | 9.5    | 9.1       |
| 8  | 6   | Châu Trần Bảo       | Chi   | 7     | 9       | 9  | 9      | 9  | 9.5    | 9.0       |
| 9  | 7   | Trần Thị Cẩm        | Duyên | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.7       |
| 10 | 8   | Trần Thị Mỹ         | Duyên | 8     | 5       | 9  | 8      | 8  | 7.5    | 7.7       |
| 11 | 9   | Nguyễn Thị Thúy     | Duyên | 10    | 9       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.8       |
| 12 | 10  | Trần Nguyễn Tiến    | Đạt   | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 13 | 11  | Nguyễn Bảo          | Đoan  | 10    | 10      | 9  | 10     | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 14 | 12  | Đoàn Phương         | Giao  | 7     | 8       | 9  | 9      | 8  | 7.3    | 8.0       |
| 15 | 13  | Lưu Ngọc            | Hân   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 16 | 14  | Phương Chí          | Hào   | 9     | 4       | 9  | 9      | 9  | 9.3    | 8.6       |
| 17 | 15  | Trần Quốc           | Kiệt  | 10    | 7       | 10 | 9      | 10 | 9.8    | 9.4       |

# 1.Sắp xếp dữ liệu

## Bước 3



| =IF((COUNT(D7:F7)+COUNT(G7:H7)*2+COUNT(I7:I7)*3),ROUND((SUM(D7:F7)+SUM(G7:H7)*2+SUM(I7:I7)*3)/10,1),0) |     |                     |       |       |         |    |        |    |        |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------|-------|-------|---------|----|--------|----|--------|-----------|
|                                                                                                        | A   | B                   | C     | D     | E       | F  | G      | H  | I      | J         |
| 1                                                                                                      | STT | Họ và tên           |       | Miệng | 15 Phút |    | 1 Tiết |    | Học kỳ | Điểm TBHK |
| 2                                                                                                      |     |                     |       | M1    | P1      | P2 | V1     | V2 |        |           |
| 3                                                                                                      | 1   | Nguyễn Hình Vỹ      | An    | 10    | 10      | 10 | 9      | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 4                                                                                                      | 2   | Nguyễn Quách Phương | Anh   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 5                                                                                                      | 3   | Nguyễn Võ Huỳnh     | Anh   | 10    | 10      | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.9       |
| 6                                                                                                      | 4   | Dương Tiểu          | Bằng  | 10    | 9       | 10 | 8      | 10 | 9.5    | 9.4       |
| 7                                                                                                      | 5   | Hồ Lê Chí           | Chánh | 9     | 9       | 8  | 8      | 10 | 9.5    | 9.1       |
| 8                                                                                                      | 6   | Châu Trần Bảo       | Chi   | 7     | 9       | 9  | 9      | 9  | 9.5    | 9.0       |
| 9                                                                                                      | 7   | Trần Thị Cẩm        | Duyên | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.7       |
| 10                                                                                                     | 8   | Trần Thị Mỹ         | Duyên | 8     | 5       | 9  | 8      | 8  | 7.5    | 7.7       |
| 11                                                                                                     | 9   | Nguyễn Thị Thúy     | Duyên | 10    | 9       | 10 | 10     | 10 | 9.8    | 9.8       |
| 12                                                                                                     | 10  | Trần Nguyễn Tiến    | Đạt   | 10    | 8       | 10 | 10     | 10 | 10.0   | 9.8       |
| 13                                                                                                     | 11  | Nguyễn Bảo          | Đoan  | 10    | 10      | 9  | 10     | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 14                                                                                                     | 12  | Đoàn Phương         | Giao  | 7     | 8       | 9  | 9      | 8  | 7.3    | 8.0       |
| 15                                                                                                     | 13  | Lưu Ngọc            | Hân   | 10    | 10      | 10 | 9.5    | 10 | 10.0   | 9.9       |
| 16                                                                                                     | 14  | Phương Chí          | Hào   | 9     | 4       | 9  | 9      | 9  | 9.3    | 8.6       |
| 17                                                                                                     | 15  | Trần Quốc           | Kiệt  | 10    | 7       | 10 | 9      | 10 | 9.8    | 9.4       |

# 1.Sắp xếp dữ liệu

Kết quả sau khi sắp xếp cột Điểm TBHK theo thứ tự giảm dần.

| J         |
|-----------|
| Điểm TBHK |
| 9.8       |
| 9.9       |
| 9.9       |
| 9.4       |
| 9.1       |
| 9.0       |
| 9.7       |
| 7.7       |
| 9.8       |
| 9.8       |
| 9.9       |
| 8.0       |
| 9.9       |
| 8.6       |
| 9.4       |

Trước khi sắp xếp

| J         |
|-----------|
| Điểm TBHK |
| 9.9       |
| 9.9       |
| 9.9       |
| 9.9       |
| 9.8       |
| 9.8       |
| 9.8       |
| 9.7       |
| 9.4       |
| 9.4       |
| 9.1       |
| 9.0       |
| 8.6       |
| 8.0       |
| 7.7       |

Sau khi sắp xếp

# 1. Sắp xếp dữ liệu

## Ghi bài

Để sắp xếp dữ liệu các em cần thực hiện các bước sau:

**Bước 1:** Chọn 1 ô trong cột cần sắp xếp.

**Bước 2:** Chọn thẻ lệnh *Data*

**Bước 3:** Trong nhóm lệnh *Sort & Filter*, chọn 1 trong 2 nút lệnh sau:

+  để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần.

+  để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự giảm dần.

# 1.Sắp xếp dữ liệu

## Ví dụ 1:

**Chú ý:** Các em ghi và trả lời ví dụ vào tập nhé!

Dựa vào bảng dữ liệu bên dưới em hãy trình bày các bước sắp xếp cột **M** theo thứ tự **tăng** dần?

|    | A                         | B                  | C  | D            | E            | F            | G             | H             | I    |
|----|---------------------------|--------------------|----|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|------|
| 1  | TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN    |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 2  | BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC HKI |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 3  |                           |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 4  | STT                       | Họ và tên          | M  | 15P<br>lần 1 | 15P<br>lần 2 | 15P<br>lần 3 | Viết<br>lần 1 | Viết<br>lần 2 | KTHK |
| 5  | 1                         | Ngô Gia Bảo        | 8  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          | 10.0 |
| 6  | 2                         | Võ Phạm Ánh Dương  | 9  | 10           | 8            | 10           | 8.5           | 10.0          | 9.5  |
| 7  | 3                         | Đỗ Thị Thủy Hương  | 8  | 8            | 8            | 10           | 7.0           | 10.0          | 6.8  |
| 8  | 4                         | Võ Khánh Linh      | 10 | 10           | 10           | 10           | 10.0          | 10.0          | 10.0 |
| 9  | 5                         | Phan Hữu Lộc       | 10 | 9            | 9            | 10           | 9.0           | 10.0          | 10.0 |
| 10 | 6                         | Nguyễn Thị Ngọc My | 10 | 9            | 8            | 10           | 7.0           | 9.0           | 7.5  |
| 11 | 7                         | Huỳnh Lê Thủy Ngân | 8  | 7            | 8            | 9            | 9.0           | 9.5           | 8.5  |
| 12 | 8                         | Nguyễn Minh Nghĩa  | 10 | 8            | 9            | 10           | 8.0           | 10.0          | 7.5  |
| 13 | 9                         | Nguyễn Thanh Phong | 9  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          | 10.0 |
| 14 | 10                        | Bùi Thị Như Quỳnh  | 10 | 9            | 9            | 9            | 8.0           | 9.0           | 10.0 |

# 1.Sắp xếp dữ liệu

## Ví dụ 2:

*Chú ý: Các em ghi và trả lời ví dụ vào tập nhé!*

Dựa vào bảng dữ liệu bên dưới em hãy trình bày các bước sắp xếp cột **KTHK** theo thứ tự **giảm** dần?

|    | A                         | B                  | C  | D            | E            | F            | G             | H             | I    |
|----|---------------------------|--------------------|----|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|------|
| 1  | TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN    |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 2  | BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC HKI |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 3  |                           |                    |    |              |              |              |               |               |      |
| 4  | STT                       | Họ và tên          | M  | 15P<br>lần 1 | 15P<br>lần 2 | 15P<br>lần 3 | Viết<br>lần 1 | Viết<br>lần 2 | KTHK |
| 5  | 1                         | Ngô Gia Bảo        | 8  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          | 10.0 |
| 6  | 2                         | Võ Phạm Ánh Dương  | 9  | 10           | 8            | 10           | 8.5           | 10.0          | 9.5  |
| 7  | 3                         | Đỗ Thị Thùy Hương  | 8  | 8            | 8            | 10           | 7.0           | 10.0          | 6.8  |
| 8  | 4                         | Võ Khánh Linh      | 10 | 10           | 10           | 10           | 10.0          | 10.0          | 10.0 |
| 9  | 5                         | Phan Hữu Lộc       | 10 | 9            | 9            | 10           | 9.0           | 10.0          | 10.0 |
| 10 | 6                         | Nguyễn Thị Ngọc My | 10 | 9            | 8            | 10           | 7.0           | 9.0           | 7.5  |
| 11 | 7                         | Huỳnh Lê Thủy Ngân | 8  | 7            | 8            | 9            | 9.0           | 9.5           | 8.5  |
| 12 | 8                         | Nguyễn Minh Nghĩa  | 10 | 8            | 9            | 10           | 8.0           | 10.0          | 7.5  |
| 13 | 9                         | Nguyễn Thanh Phong | 9  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          | 10.0 |
| 14 | 10                        | Bùi Thị Như Quỳnh  | 10 | 9            | 9            | 9            | 8.0           | 9.0           | 10.0 |

## DẶN DÒ

- Các em ghi chép bài và học bài đầy đủ.
- Những bạn nào có máy tính hay điện thoại thông minh có thể nhập bảng tính ở ví dụ 1 , ví dụ 2 và thực hành sắp xếp theo yêu cầu của 2 ví dụ.



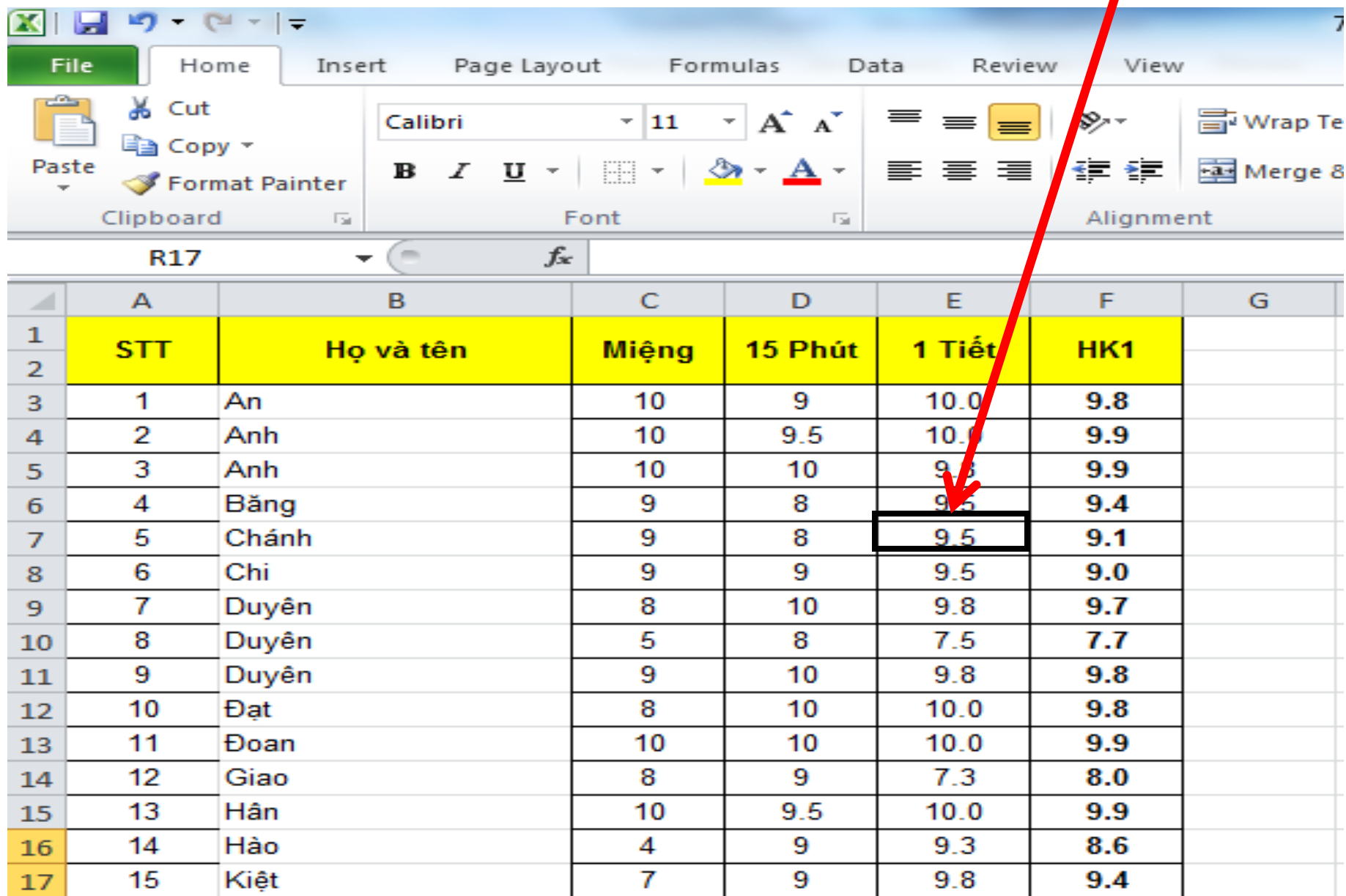
## 2.Lọc dữ liệu

Yêu cầu: Dựa vào bảng dữ liệu bên dưới em hãy chọn ra( lọc) những bạn có điểm **1 Tiết** là **10** ?

|    | A   | B         | C     | D       | E      | F   |
|----|-----|-----------|-------|---------|--------|-----|
| 1  | STT | Họ và tên | Miệng | 15 Phút | 1 Tiết | HK1 |
| 2  |     |           |       |         |        |     |
| 3  | 1   | An        | 10    | 9       | 10.0   | 9.8 |
| 4  | 2   | Anh       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |
| 5  | 3   | Anh       | 10    | 10      | 9.8    | 9.9 |
| 6  | 4   | Băng      | 9     | 8       | 9.5    | 9.4 |
| 7  | 5   | Chánh     | 9     | 8       | 9.5    | 9.1 |
| 8  | 6   | Chi       | 9     | 9       | 9.5    | 9.0 |
| 9  | 7   | Duyên     | 8     | 10      | 9.8    | 9.7 |
| 10 | 8   | Duyên     | 5     | 8       | 7.5    | 7.7 |
| 11 | 9   | Duyên     | 9     | 10      | 9.8    | 9.8 |
| 12 | 10  | Đạt       | 8     | 10      | 10.0   | 9.8 |
| 13 | 11  | Đoan      | 10    | 10      | 10.0   | 9.9 |
| 14 | 12  | Giao      | 8     | 9       | 7.3    | 8.0 |
| 15 | 13  | Hân       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |
| 16 | 14  | Hào       | 4     | 9       | 9.3    | 8.6 |
| 17 | 15  | Kiệt      | 7     | 9       | 9.8    | 9.4 |

## 2. Lọc dữ liệu

### Bước 1

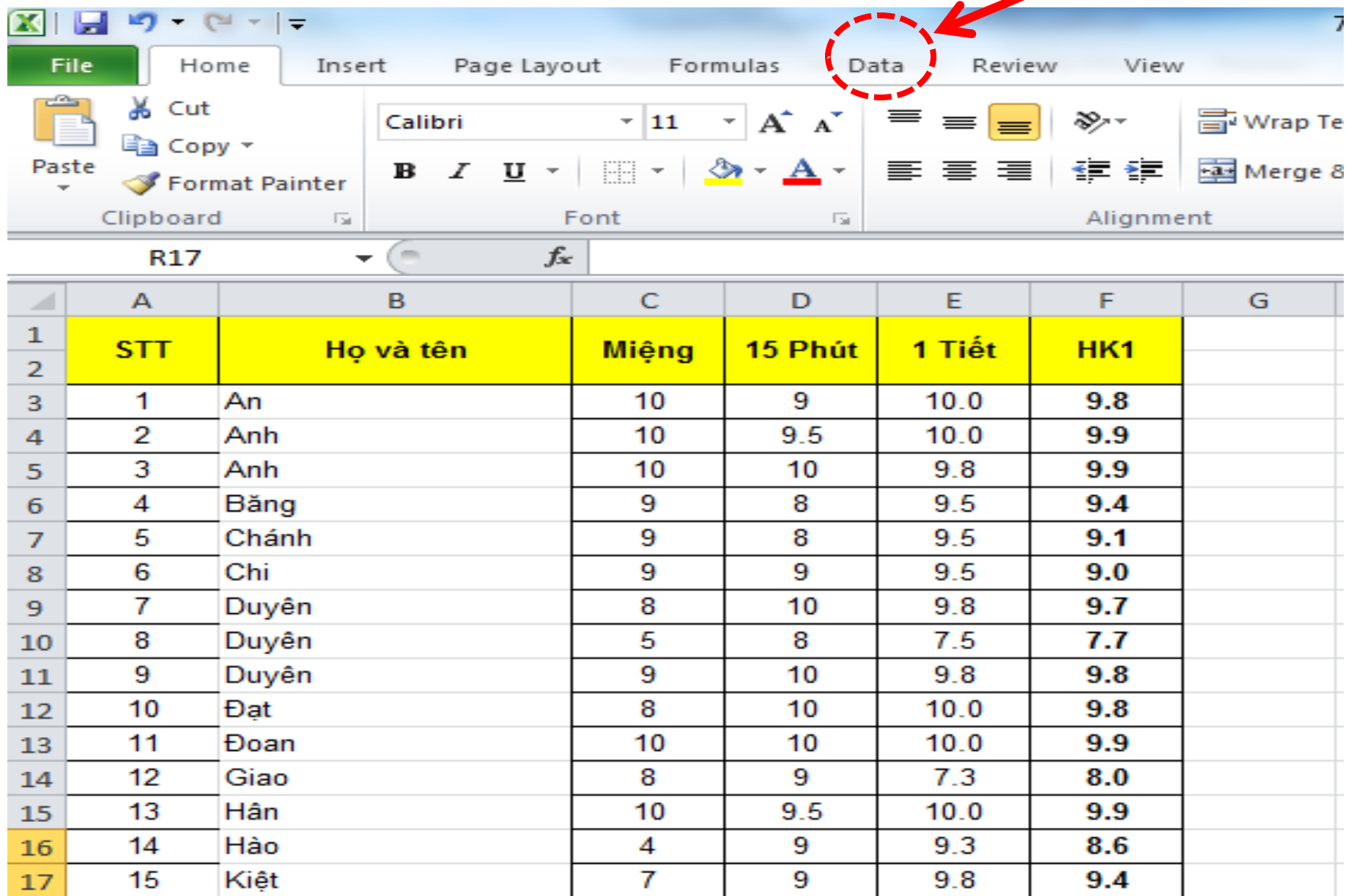


The screenshot shows the Microsoft Excel interface with the following data table:

|    | A   | B         | C     | D       | E      | F   | G |
|----|-----|-----------|-------|---------|--------|-----|---|
|    | STT | Họ và tên | Miệng | 15 Phút | 1 Tiết | HK1 |   |
| 1  |     |           |       |         |        |     |   |
| 2  |     |           |       |         |        |     |   |
| 3  | 1   | An        | 10    | 9       | 10.0   | 9.8 |   |
| 4  | 2   | Anh       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |
| 5  | 3   | Anh       | 10    | 10      | 9.8    | 9.9 |   |
| 6  | 4   | Băng      | 9     | 8       | 9.5    | 9.4 |   |
| 7  | 5   | Chánh     | 9     | 8       | 9.5    | 9.1 |   |
| 8  | 6   | Chi       | 9     | 9       | 9.5    | 9.0 |   |
| 9  | 7   | Duyên     | 8     | 10      | 9.8    | 9.7 |   |
| 10 | 8   | Duyên     | 5     | 8       | 7.5    | 7.7 |   |
| 11 | 9   | Duyên     | 9     | 10      | 9.8    | 9.8 |   |
| 12 | 10  | Đạt       | 8     | 10      | 10.0   | 9.8 |   |
| 13 | 11  | Đoan      | 10    | 10      | 10.0   | 9.9 |   |
| 14 | 12  | Giao      | 8     | 9       | 7.3    | 8.0 |   |
| 15 | 13  | Hân       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |
| 16 | 14  | Hào       | 4     | 9       | 9.3    | 8.6 |   |
| 17 | 15  | Kiệt      | 7     | 9       | 9.8    | 9.4 |   |

## 2. Lọc dữ liệu

### Bước 2



The screenshot shows the Microsoft Excel interface with the 'Data' tab selected in the ribbon. A red dashed circle highlights the 'Data' tab, and a red arrow points to it from the 'Bước 2' label. Below the ribbon is a table with 7 columns: STT, Họ và tên, Miệng, 15 Phút, 1 Tiết, HK1, and an empty column G. The table contains 15 rows of data, with rows 16 and 17 highlighted in yellow.

|    | A   | B         | C     | D       | E      | F   | G |
|----|-----|-----------|-------|---------|--------|-----|---|
| 1  | STT | Họ và tên | Miệng | 15 Phút | 1 Tiết | HK1 |   |
| 2  |     |           |       |         |        |     |   |
| 3  | 1   | An        | 10    | 9       | 10.0   | 9.8 |   |
| 4  | 2   | Anh       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |
| 5  | 3   | Anh       | 10    | 10      | 9.8    | 9.9 |   |
| 6  | 4   | Băng      | 9     | 8       | 9.5    | 9.4 |   |
| 7  | 5   | Chánh     | 9     | 8       | 9.5    | 9.1 |   |
| 8  | 6   | Chi       | 9     | 9       | 9.5    | 9.0 |   |
| 9  | 7   | Duyên     | 8     | 10      | 9.8    | 9.7 |   |
| 10 | 8   | Duyên     | 5     | 8       | 7.5    | 7.7 |   |
| 11 | 9   | Duyên     | 9     | 10      | 9.8    | 9.8 |   |
| 12 | 10  | Đạt       | 8     | 10      | 10.0   | 9.8 |   |
| 13 | 11  | Đoan      | 10    | 10      | 10.0   | 9.9 |   |
| 14 | 12  | Giao      | 8     | 9       | 7.3    | 8.0 |   |
| 15 | 13  | Hân       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |
| 16 | 14  | Hào       | 4     | 9       | 9.3    | 8.6 |   |
| 17 | 15  | Kiệt      | 7     | 9       | 9.8    | 9.4 |   |

# 2.Lọc dữ liệu

## Bước 3

7A2.xls [Com

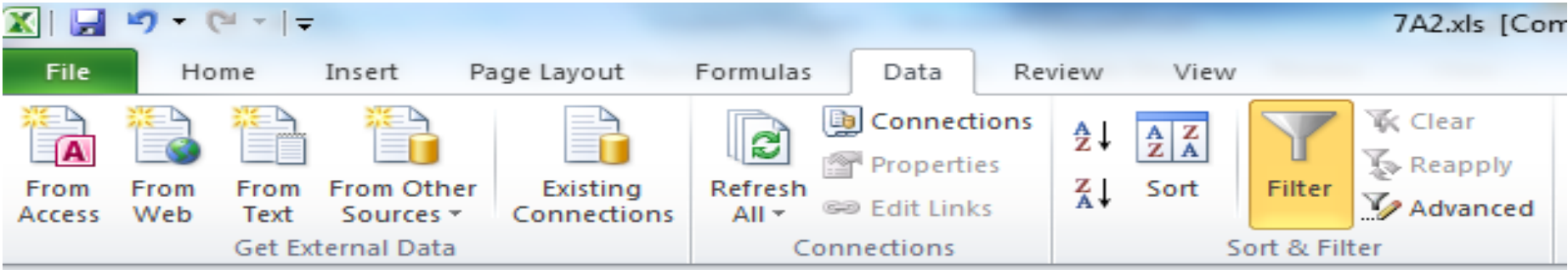
File Home Insert Page Layout Formulas Data Review View

From Access From Web From Text From Other Sources Existing Connections Refresh All Connections

Sort Filter Sort & Filter

|    | A   | B         | C     | D       | E      | F   | G | H |
|----|-----|-----------|-------|---------|--------|-----|---|---|
| 1  | STT | Họ và tên | Miêng | 15 Phút | 1 Tiết | HK1 |   |   |
| 2  |     |           |       |         |        |     |   |   |
| 3  | 1   | An        | 10    | 9       | 10.0   | 9.8 |   |   |
| 4  | 2   | Anh       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 5  | 3   | Anh       | 10    | 10      | 9.8    | 9.9 |   |   |
| 6  | 4   | Bằng      | 9     | 8       | 9.5    | 9.4 |   |   |
| 7  | 5   | Chánh     | 9     | 8       | 9.5    | 9.1 |   |   |
| 8  | 6   | Chi       | 9     | 9       | 9.5    | 9.0 |   |   |
| 9  | 7   | Duyên     | 8     | 10      | 9.8    | 9.7 |   |   |
| 10 | 8   | Duyên     | 5     | 8       | 7.5    | 7.7 |   |   |
| 11 | 9   | Duyên     | 9     | 10      | 9.8    | 9.8 |   |   |
| 12 | 10  | Đạt       | 8     | 10      | 10.0   | 9.8 |   |   |
| 13 | 11  | Đoan      | 10    | 10      | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 14 | 12  | Giao      | 8     | 9       | 7.3    | 8.0 |   |   |
| 15 | 13  | Hân       | 10    | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 16 | 14  | Hào       | 4     | 9       | 9.3    | 8.6 |   |   |
| 17 | 15  | Kiệt      | 7     | 9       | 9.8    | 9.4 |   |   |
| 18 |     |           |       |         |        |     |   |   |

# 2.Lọc dữ liệu



|    | E8  |           | f <sub>x</sub> | 9.5     |        |     |   |   |
|----|-----|-----------|----------------|---------|--------|-----|---|---|
|    | A   | B         | C              | D       | E      | F   | G | H |
| 1  | STT | Họ và tên | Miêng          | 15 Phút | 1 Tiết | HK1 |   |   |
| 2  |     |           |                |         |        |     |   |   |
| 3  | 1   | An        | 10             | 9       | 10.0   | 9.8 |   |   |
| 4  | 2   | Anh       | 10             | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 5  | 3   | Anh       | 10             | 10      | 9.8    | 9.9 |   |   |
| 6  | 4   | Băng      | 9              | 8       | 9.5    | 9.4 |   |   |
| 7  | 5   | Chánh     | 9              | 8       | 9.5    | 9.1 |   |   |
| 8  | 6   | Chi       | 9              | 9       | 9.5    | 9.0 |   |   |
| 9  | 7   | Duyên     | 8              | 10      | 9.8    | 9.7 |   |   |
| 10 | 8   | Duyên     | 5              | 8       | 7.5    | 7.7 |   |   |
| 11 | 9   | Duyên     | 9              | 10      | 9.8    | 9.8 |   |   |
| 12 | 10  | Đạt       | 8              | 10      | 10.0   | 9.8 |   |   |
| 13 | 11  | Đoan      | 10             | 10      | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 14 | 12  | Giao      | 8              | 9       | 7.3    | 8.0 |   |   |
| 15 | 13  | Hân       | 10             | 9.5     | 10.0   | 9.9 |   |   |
| 16 | 14  | Hào       | 4              | 9       | 9.3    | 8.6 |   |   |
| 17 | 15  | Kiệt      | 7              | 9       | 9.8    | 9.4 |   |   |
| 18 |     |           |                |         |        |     |   |   |

Bước 4:  
Nháy chuột

## 2.Lọc dữ liệu

|    | A   | B         | C   | D    | E      | F   |
|----|-----|-----------|-----|------|--------|-----|
| 1  | STT | Họ và tên | Môn | Điểm | 1 Tiết | HK1 |
| 2  |     |           |     |      |        |     |
| 3  | 1   | An        |     |      |        | 9.8 |
| 4  | 2   | Anh       |     |      |        | 9.9 |
| 5  | 3   | Anh       |     |      |        | 9.9 |
| 6  | 4   | Bằng      |     |      |        | 9.4 |
| 7  | 5   | Chánh     |     |      |        | 9.1 |
| 8  | 6   | Chi       |     |      |        | 9.0 |
| 9  | 7   | Duyên     |     |      |        | 9.7 |
| 10 | 8   | Duyên     |     |      |        | 7.7 |
| 11 | 9   | Duyên     |     |      |        | 9.8 |
| 12 | 10  | Đạt       |     |      |        | 9.8 |
| 13 | 11  | Đoan      |     |      |        | 9.9 |
| 14 | 12  | Giao      |     |      |        | 8.0 |
| 15 | 13  | Hân       |     |      |        | 9.9 |
| 16 | 14  | Hào       |     |      |        | 8.6 |
| 17 | 15  | Kiệt      |     |      |        | 9.4 |
| 18 |     |           |     |      |        |     |
| 19 |     |           |     |      |        |     |
| 20 |     |           |     |      |        |     |
| 21 |     |           |     |      |        |     |

Sort Smallest to Largest

Sort Largest to Smallest

Sort by Color

Clear Filter From "1 Tiết"

Filter by Color

Number Filters

Search

☒ (Select All)

☐ 7.3

☐ 7.5

☐ 9.3

☐ 9.5

☐ 9.8

☒ 10.0

☐ (blanks)

OK

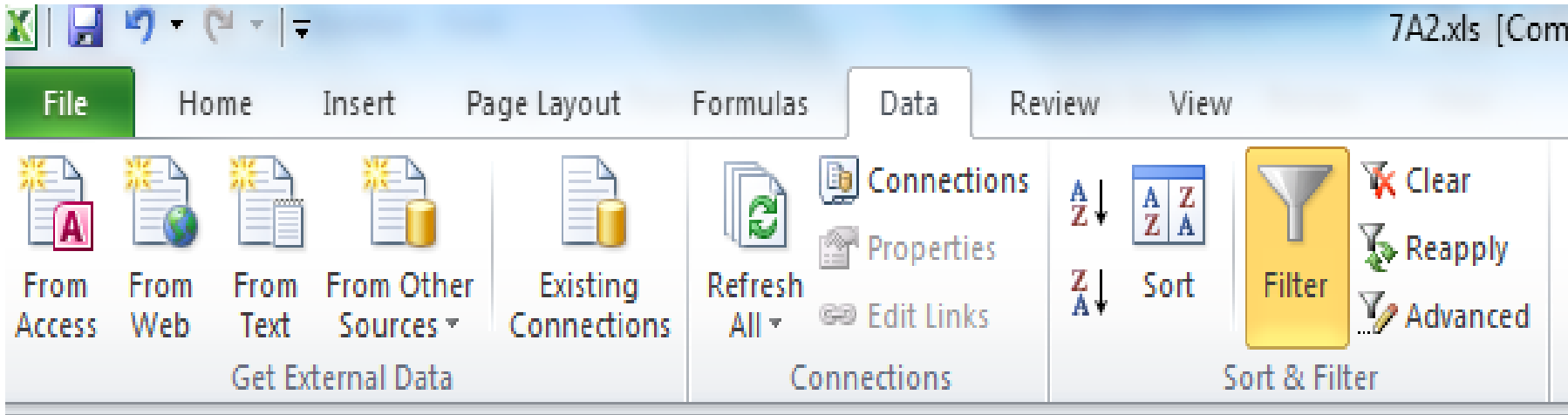
Cancel

Bước 5:

- Bỏ chọn Select All và chọn 10.
- Chọn OK.

## 2.Lọc dữ liệu

Kết quả sau khi thực hiện thao tác lọc dữ liệu.



|    |     |           |       |       |       |     |   |   |
|----|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|---|---|
| E8 |     | fx 9.5    |       |       |       |     |   |   |
|    | A   | B         | C     | D     | E     | F   | G | H |
| 1  | STT | Họ và tên | Miêng | 15 Ph | 1 Tiê | HK1 |   |   |
| 3  | 1   | An        | 10    | 9     | 10.0  | 9.8 |   |   |
| 4  | 2   | Anh       | 10    | 9.5   | 10.0  | 9.9 |   |   |
| 12 | 10  | Đạt       | 8     | 10    | 10.0  | 9.8 |   |   |
| 13 | 11  | Đoan      | 10    | 10    | 10.0  | 9.9 |   |   |
| 15 | 13  | Hân       | 10    | 9.5   | 10.0  | 9.9 |   |   |
| 16 |     |           |       |       |       |     |   |   |

## 2.Lọc dữ liệu

Ghi bài

Để lọc dữ liệu các em cần thực hiện các bước sau:

**Bước 1:** Chọn 1 ô trong vùng có dữ liệu cần lọc.

**Bước 2:** Chọn thẻ lệnh *Data*

**Bước 3:** Trong nhóm lệnh *Sort & Filter*, chọn nút *Filter* :

**Bước 4:** Nháy nút  ( biểu tượng hình tam giác) trên hàng tiêu đề cột.

**Bước 5:** Chọn tiêu chuẩn lọc và nháy OK.

## 2.Lọc dữ liệu

**Ví dụ 1:** *Chú ý: Các em ghi và trả lời ví dụ vào tập nhé!*

Dựa vào bảng dữ liệu bên dưới em hãy trình bày các bước lọc ra những bạn có điểm **M** là **8**?

|    | A                         | B                  | C  | D            | E            | F            | G             | H             |
|----|---------------------------|--------------------|----|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| 1  | TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN    |                    |    |              |              |              |               |               |
| 2  | BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC HKI |                    |    |              |              |              |               |               |
| 3  |                           |                    |    |              |              |              |               |               |
| 4  | STT                       | Họ và tên          | M  | 15P<br>lần 1 | 15P<br>lần 2 | 15P<br>lần 3 | Viết<br>lần 1 | Viết<br>lần 2 |
| 5  | 1                         | Ngô Gia Bảo        | 8  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          |
| 6  | 2                         | Võ Phạm Ánh Dương  | 9  | 10           | 8            | 10           | 8.5           | 10.0          |
| 7  | 3                         | Đỗ Thị Thùy Hương  | 8  | 8            | 8            | 10           | 7.0           | 10.0          |
| 8  | 4                         | Võ Khánh Linh      | 10 | 10           | 10           | 10           | 10.0          | 10.0          |
| 9  | 5                         | Phan Hữu Lộc       | 10 | 9            | 9            | 10           | 9.0           | 10.0          |
| 10 | 6                         | Nguyễn Thị Ngọc My | 10 | 9            | 8            | 10           | 7.0           | 9.0           |
| 11 | 7                         | Huỳnh Lê Thúy Ngân | 8  | 7            | 8            | 9            | 9.0           | 9.5           |
| 12 | 8                         | Nguyễn Minh Nghĩa  | 10 | 8            | 9            | 10           | 8.0           | 10.0          |
| 13 | 9                         | Nguyễn Thanh Phong | 9  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          |
| 14 | 10                        | Bùi Thị Như Quỳnh  | 10 | 9            | 9            | 9            | 8.0           | 9.0           |

## 2.Lọc dữ liệu

**Ví dụ 1:** *Chú ý: Các em ghi và trả lời ví dụ vào tập nhé!*

Dựa vào bảng dữ liệu bên dưới em hãy trình bày các bước lọc ra những bạn có điểm **M** là **8**?

|    | A                         | B                  | C  | D            | E            | F            | G             | H             |
|----|---------------------------|--------------------|----|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| 1  | TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN    |                    |    |              |              |              |               |               |
| 2  | BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC HKI |                    |    |              |              |              |               |               |
| 3  |                           |                    |    |              |              |              |               |               |
| 4  | STT                       | Họ và tên          | M  | 15P<br>lần 1 | 15P<br>lần 2 | 15P<br>lần 3 | Viết<br>lần 1 | Viết<br>lần 2 |
| 5  | 1                         | Ngô Gia Bảo        | 8  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          |
| 6  | 2                         | Võ Phạm Ánh Dương  | 9  | 10           | 8            | 10           | 8.5           | 10.0          |
| 7  | 3                         | Đỗ Thị Thùy Hương  | 8  | 8            | 8            | 10           | 7.0           | 10.0          |
| 8  | 4                         | Võ Khánh Linh      | 10 | 10           | 10           | 10           | 10.0          | 10.0          |
| 9  | 5                         | Phan Hữu Lộc       | 10 | 9            | 9            | 10           | 9.0           | 10.0          |
| 10 | 6                         | Nguyễn Thị Ngọc My | 10 | 9            | 8            | 10           | 7.0           | 9.0           |
| 11 | 7                         | Huỳnh Lê Thúy Ngân | 8  | 7            | 8            | 9            | 9.0           | 9.5           |
| 12 | 8                         | Nguyễn Minh Nghĩa  | 10 | 8            | 9            | 10           | 8.0           | 10.0          |
| 13 | 9                         | Nguyễn Thanh Phong | 9  | 10           | 10           | 10           | 9.5           | 10.0          |
| 14 | 10                        | Bùi Thị Như Quỳnh  | 10 | 9            | 9            | 9            | 8.0           | 9.0           |

Em hãy đánh dấu “✓” vào cột Đúng/Sai cho các phát biểu sau đây:

| Câu phát biểu này đúng hay sai?                                                   | Đúng | Sai |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| Khi sắp xếp, ta có thể chọn một ô trong bảng dữ liệu.                             |      |     |
| Trong sắp xếp tăng dần, dữ liệu số sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.    | ✓    |     |
| Trong sắp xếp giảm dần, dữ liệu kí tự sẽ được sắp theo thứ tự chữ cái (alphabet). |      |     |
| Lọc dữ liệu là chọn và hiển thị các hàng thỏa một điều kiện nào đó.               |      |     |
| Kết quả lọc dữ liệu sẽ sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần.                      |      |     |
| Kết quả lọc dữ liệu sẽ xóa đi các hàng không thỏa điều kiện.                      |      |     |
| Lọc các hàng có giá trị lớn nhất hoặc nhỏ nhất áp dụng cho dữ liệu số và kí tự.   |      |     |

## DẶN DÒ

- Các em ghi chép bài và học bài đầy đủ.
- Những bạn nào có máy tính hay điện thoại thông minh có thể nhập bảng tính ở ví dụ 1 , lọc dữ liệu theo yêu cầu của ví dụ 1.

